

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON HOA PHƯỢNG

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
(THEO MỨC LƯƠNG CƠ SỞ 1.490.000đ)

Tháng 03 năm 2024

TT	Họ và tên	Tiền lương				Phụ cấp lương										Tổng BH phải nộp	Tổng tiền lương và PC	Ký nhận		
		HS	Thành tiền	Trừ BH	Thực lĩnh	Chức vụ				Phụ cấp thâm niên nghề				Phụ cấp ngành					Phụ cấp TN	
						HS	Thành tiền	Trừ BH	Thực Lĩnh	HS	Thành tiền	Trừ BH	Thực Lĩnh	HS	Thành tiền				HS	Thành tiền
1	Lê Thị Yên	3.34	4,976,600	472,777	4,503,823	0.5	745,000	70,775	674,225	0.5376	801,024	76,097	724,927	1.344	2,002,560		619,649	7,905,535		
2	Lê Thị Phương Ngân	3.65	5,438,500	571,043	4,867,458	0.35	521,500	54,758	466,743	0.64	953,600	100,128	853,472	1.4	2,086,000		725,928	8,273,672		
3	Nguyễn Thị Kim Ngân	3.34	4,976,600	522,543	4,454,057	0.35	521,500	54,758	466,743	0.4428	659,772	69,276	590,496	1.2915	1,924,335		646,577	7,435,630		
5	Hoàng Thị Thanh	3.96	5,900,400	619,542	5,280,858					0.8712	1,298,088	136,299	1,161,789	1.386	2,065,140		755,841	8,507,787		
6	Đặng Bích Ngọc	3.65	5,438,500	571,043	4,867,458					0.657	978,930	102,788	876,142	1.2775	1,903,475		673,830	7,647,075		
7	Trần Thị Thủy Nga	3.65	5,438,500	571,043	4,867,458					0.584	870,160	91,367	778,793	1.2775	1,903,475		662,409	7,549,726		
8	Phan Thị Lan	3.34	4,976,600	522,543	4,454,057					0.4676	696,724	73,156	623,568	1.169	1,741,810	0.2	298,000	595,699	7,117,435	
9	Ngô Kim Trúc	3.34	4,976,600	522,543	4,454,057					0.4676	696,724	73,156	623,568	1.169	1,741,810	0.15	223,500	595,699	7,042,935	
10	Phạm Thị Giang	3.03	4,514,700	474,044	4,040,657					0.3333	496,617	52,145	444,472	1.0605	1,580,145		526,188	6,065,274		
11	Dương Thị Thoa	3.03	4,514,700	474,044	4,040,657					0.3636	541,764	56,885	484,879	1.0605	1,580,145	0.15	223,500	530,929	6,329,180	
12	Nguyễn Thị Ninh	3.03	4,514,700	474,044	4,040,657					0.303	451,470	47,404	404,066	1.0605	1,580,145		521,448	6,024,867		
13	Đào Thị Thu Hà	3.03	4,514,700	474,044	4,040,657					0.303	451,470	47,404	404,066	1.0605	1,580,145		521,448	6,024,867		

TT	Họ và tên	Tiền lương				Phụ cấp lương										Tổng BH phải nộp	Tổng tiền lương và PC	Ký nhận		
		HS	Thành tiền	Trừ BH	Thực lĩnh	Chức vụ				Phụ cấp thâm niên nghề				Phụ cấp ngành					Phụ cấp TN	
						HS	Thành tiền	Trừ BH	Thực Lĩnh	HS	Thành tiền	Trừ BH	Thực Lĩnh	HS	Thành tiền				HS	Thành tiền
14	Đặng Thu Thủy	3.03	4,514,700	474,044	4,040,657					0.3333	496,617	52,145	444,472	1.0605	1,580,145	0.15	223500	526,188	6,288,774	
15	Lê Thị Lan	3.03	4,514,700	474,044	4,040,657					0.303	451,470	47,404	404,066	1.0605	1,580,145			521,448	6,024,867	
16	Lê Thị Huyền	3.03	4,514,700	474,044	4,040,657					0.3333	496,617	52,145	444,472	1.0605	1,580,145			526,188	6,065,274	
7	Dương Thị Lan	2.72	4,052,800	425,544	3,627,256					0.2448	364,752	38,299	326,453	0.952	1,418,480			463,843	5,372,189	
8	Hoàng Thị Hoàn	2.72	4,052,800	425,544	3,627,256					0.1904	283,696	29,788	253,908	0.952	1,418,480			455,332	5,299,644	
9	Nguyễn Thị Yên	2.72	4,052,800	425,544	3,627,256					0.1904	283,696	29,788	253,908	0.952	1,418,480			455,332	5,299,644	
10	Bùi Hà Thương	2.26	3,367,400	353,577	3,013,823					0.113	168,370	17,679	150,691	0.791	1,178,590			371,256	4,343,104	
	Cộng	59.9	89,251,000	9,321,589	79,929,411	1.2	1,788,000	180,290	1,607,710	7.6789	11,441,561	1,193,354	10,248,207	21.385	31,863,650	0.65	968,500	10,695,233	124,617,478	

Một trăm hai triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, bốn trăm bảy tám đồng.

Lương cơ bản :
Phụ cấp chức vụ :
Phụ cấp thâm niên :
Phụ cấp ngành :
Phụ cấp trách nhiệm :

79,929,411
1,607,710
10,248,207
31,863,650
968,500
124,617,478

KẾ TOÁN ĐƠN VỊ



ĐINH KIỀU ANH THƯ



LÊ THỊ YẾN

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON HOA PHƯỢNG

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
(THEO MỨC LƯƠNG CHÉNH LỆCH 310.000Đ)
Tháng 03 năm 2024

TT	Họ và tên	Tiền lương				Phụ cấp lương										Tổng BH phải nộp	Tổng tiền lương và PC	Ký nhận		
		HS	Thành tiền	Trừ BH	Thực lĩnh	Chức vụ				Phụ cấp thâm niên nghề				Phụ cấp ngành					Phụ cấp TV	
						HS	Thành tiền	Trừ BH	Thực Lĩnh	HS	Thành tiền	Trừ BH	Thực Lĩnh	HS	Thành tiền				HS	Thành tiền
1	Lê Thị Yến	3.34	1,035,400	98,363	937,037	0.5	155,000	14,725	140,275	0.5376	166,656	15,832	150,824	1.344	416,640		128,920	1,644,776		
2	Lê Thị Phương Ngân	3.65	1,131,500	118,808	1,012,693	0.35	108,500	11,393	97,108	0.64	198,400	20,832	177,568	1.4	434,000		151,032	1,721,368		
3	Nguyễn Thị Kim Ngân	3.34	1,035,400	108,717	926,683	0.35	108,500	11,393	97,108	0.4428	137,268	14,413	122,855	1.2915	400,365		134,523	1,547,009		
4	Hoàng Thị Thanh	3.96	1,227,600	128,898	1,098,702					0.8712	270,072	28,358	241,714	1.386	429,660		157,256	1,770,076		
5	Đặng Bích Ngoan	3.65	1,131,500	118,808	1,012,693					0.657	203,670	21,385	182,285	1.2775	396,025		140,193	1,591,002		
6	Trần Thị Thủy Nga	3.65	1,131,500	118,808	1,012,693					0.584	181,040	19,009	162,031	1.2775	396,025		137,817	1,570,748		
7	Phan Thị Lan	3.34	1,035,400	108,717	926,683					0.4676	144,956	15,220	129,736	1.169	362,390	0.2	62,000	1,480,809		
8	Ngô Kim Trúc	3.34	1,035,400	108,717	926,683					0.4676	144,956	15,220	129,736	1.169	362,390	0.15	46,500	1,465,309		
9	Phạm Thị Giang	3.03	939,300	98,627	840,674					0.3333	103,323	10,849	92,474	1.0605	328,755		109,475	1,261,903		
10	Dương Thị Thoan	3.03	939,300	98,627	840,674					0.3636	112,716	11,835	100,881	1.0605	328,755	0.15	46,500	1,316,809		
11	Nguyễn Thị Ninh	3.03	939,300	98,627	840,674					0.303	93,930	9,863	84,067	1.0605	328,755		108,489	1,253,496		
12	Đào Thị Thu Hà	3.03	939,300	98,627	840,674					0.303	93,930	9,863	84,067	1.0605	328,755		108,489	1,253,496		
3	Đặng Thu Thủy	3.03	939,300	98,627	840,674					0.3333	103,323	10,849	92,474	1.0605	328,755	0.15	46,500	1,308,403		

Họ và tên	Tiền lương										Phụ cấp lương										Tổng BH phải nộp	Tổng tiền lương và PC	Ký nhận
	HS	Thành tiền	Trừ BH	Thực lĩnh	Chức vụ				Phụ cấp thâm niên nghề				Phụ cấp ngành		Phụ cấp TN								
					HS	Thành tiền	Trừ BH	Thực Lĩnh	HS	Thành tiền	Trừ BH	Thực Lĩnh	HS	Thành tiền									
															HS	Thành tiền							
Lê Thị Lan	3.03	939,300	98,627	840,674					0.303	93,930	9,863	84,067	1.0605	328,755			108,489	1,253,496					
Lê Thị Huyền	3.03	939,300	98,627	840,674					0.3333	103,323	10,849	92,474	1.0605	328,755			109,475	1,261,903					
Dương Thị Lan	2.72	843,200	88,536	754,664					0.2448	75,888	7,968	67,920	0.952	295,120			96,504	1,117,704					
Hoàng Thị Hoàn	2.72	843,200	88,536	754,664					0.1904	59,024	6,198	52,826	0.952	295,120			94,734	1,102,610					
Nguyễn Thị Yên	2.72	843,200	88,536	754,664					0.1904	59,024	6,198	52,826	0.952	295,120			94,734	1,102,610					
Bùi Hà Thương	2.26	700,600	73,563	627,037					0.113	35,030	3,678	31,352	0.791	245,210			77,241	903,599					
Cộng	59.9	18,569,000	1,939,391	16,629,609	1.2	372,000	37,510	334,490	7.6789	2,380,459	248,282	2,132,177	21.385	6,629,349	0.65	201,500	2,225,183	25,927,125					

Hai mươi lăm triệu, chín trăm hai bảy nghìn, một trăm hai lăm đồng

Lương cơ bản : 16,629,609
 Phụ cấp chức vụ : 334,490
 Phụ cấp thâm niên : 2,132,177
 Phụ cấp ngành : 6,629,349
 Phụ cấp trách nhiệm : 201,500

25,927,125

KẾ TOÁN ĐƠN VỊ

DINH KIỀU ANH THƯ



LÊ THỊ YẾN

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON HOA PHƯỢNG

BẢNG THANH TOÁN TIỀN CÔNG HỢP ĐỒNG NGHỊ ĐỊNH 111
THÁNG 03 NĂM 2024

TT	Họ và tên	Tiền công			Phụ cấp		Tổng BH phải nộp	Tổng tiền lương và PC	Ký nhận
		Số tiền	Trừ BH	Thực lĩnh	Phụ cấp TN	HS			
I. Nhân viên bảo vệ									
1	Lê Đình Dũng	4,680,000	491,400	4,188,600			491,400	4,188,600	
2	Nguyễn Văn Huân	4,680,000	491,400	4,188,600			491,400	4,188,600	
Tổng		9,360,000	982,800	8,377,200	0.00	0	982,800	8,377,200	
II. Nhân viên nuôi dưỡng									
1	Bùi Thanh Thùy	4,680,000	491,400	4,188,600			491,400	4,188,600	
2	Nguyễn Thị Nhung	4,680,000	491,400	4,188,600	0.15	270,000	491,400	4,458,600	
3	Nguyễn Thu Hà	4,680,000	491,400	4,188,600			491,400	4,188,600	
4	Nguyễn Thu Trang	4,680,000	491,400	4,188,600			491,400	4,188,600	
5	Nguyễn Ngọc Phương	4,680,000	491,400	4,188,600			491,400	4,188,600	
6	Nguyễn Thị Thu Phương	4,680,000	491,400	4,188,600			491,400	4,188,600	
Tổng		28,080,000	2,948,400	25,131,600	0.15	270,000	2,948,400	25,401,600	
III. Nhân viên kế toán									
1	Đinh Kiều Anh Thu	4,680,000	491,400	4,188,600	0.2	360,000	491,400	4,548,600	
Tổng		4,680,000	491,400	4,188,600	0.2	360,000	491,400	4,548,600	
TỔNG CỘNG		37,440,000	3,931,200	33,508,800	0.35	630,000	4,422,600	38,327,400	

Bảng chữ: Ba mươi tám triệu, ba trăm hai bảy nghìn bốn trăm đồng.

Lương NV bảo vệ: 8,377,200
Lương nhân viên nuôi dưỡng 25,131,600
Lương NV kế toán 4,188,600
Phụ cấp trách nhiệm : 630,000
38,327,400

KẾ TOÁN ĐƠN VỊ

ĐINH KIỀU ANH THU



UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON HOA PHƯỢNG

BẢNG THANH TOÁN TIỀN CÔNG HỢP ĐỒNG TRƯỜNG
THÁNG 03 NĂM 2024

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền công			Ký nhận
			Mức tiền công	Trừ BH	Thực lĩnh	
1	Lê Thị Thắm	Giáo viên	4,680,000	491,400	4,188,600	
2	Đào Công Trình	Nv lao công	2,500,000		2,500,000	
		NV CS vườn	1,000,000		1,000,000	
Tổng			8,180,000	491,400	7,688,600	

Bảng chữ : Bảy triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm đồng..

KẾ TOÁN ĐƠN VỊ

ĐINH KIỀU ANH THƯ



LÊ THỊ YẾN